TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 24/4/2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Mai Hoàng Khải.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn, con chung";*

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 574/2023/HNGĐ-ST, ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2024/QĐ-PT ngày 09/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Văn C, sinh năm 1991; (có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày*: Chị H và anh Chung kết h vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh C và chị H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Nguyên Kim N, sinh ngày 25/02/2021. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu N đang sống cùng anh C, nguyên nhân chị H yêu cầu được nuôi con chung: Anh C và gia đình anh C không tạo điều kiện để chị H được rước con đi chơi, thăm gia đình ngoại; cháu N đang ở với gia đình anh C bị suy dinh dưỡng.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

*. *Bị đơn anh Trần Văn C trình bày:* Anh C thống nhất lời trình bày của chị H về quá trình chung sống và kết hôn. Anh C đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Nguyên Kim N, sinh ngày 25/02/2021. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu N đang sống cùng anh C, do cháu N không quen khi vắng mặt anh C nên anh C và gia đình anh C không đồng ý để chị H chở cháu N đi ra khỏi nhà của anh C, chỉ đồng ý cho chị H ghé thăm cháu N. Anh C hiện nay ở nhà làm thanh long, diện tích trồng thanh long khoảng 01 mẫu, đất là của gia đình không phải của anh C, thu nhập trung bình một tháng của anh C là 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Bản án hôn nhân sơ thẩm số 574/2023/HNGĐ-ST, ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn C thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyên Kim N (nữ), sinh ngày 25/02/2021 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ngoài ra bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 13/12/2023, bị đơn Trần Văn C kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con;

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Trần Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Nguyên đơn Trần Thị H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh C, đề nghị giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 13/12/2023 của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn C về việc yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị H và anh C có 01 con chung là cháu Trần Nguyên Kim N, sinh ngày 25/02/2021, hiện tại anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Xét điều kiện nuôi con giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh C và chị H đều thừa nhận:

Tại thời điểm ly thân cho đến thời điểm hiện tại, cháu N do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh C và chị H đều là lao động tự do nên thu nhập cả hai đều ở mức trung bình;

Trước khi ly hôn thì cháu N ở nhà bà nội chăm sóc, sáng hai vợ chồng chị H đi bán, tối về nhà nội để chăm sóc cháu N;

Do đó, xét về điều kiện và hoàn cảnh thì chị H và anh C đủ điều kiện nuôi con chung.

Xét trong khoảng thời gian anh C và chị H không còn chung sống và cách cư xử của anh C trong thời gian tạm nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại thời điểm, chị H ly thân với anh C, chị H yêu cầu được ẵm cháu N theo cùng nhưng anh C không cho, đồng thời khi chị H muốn chở cháu N đi chơi với chị H hoặc về thăm gia đình ngoại thì anh C không cho chở đi; Khi Tòa án tiến hành hòa giải vụ án tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" giữa chị H và anh C, được giải thích về quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung thì anh C mới cho chị H rước con được 01 lần, những lần sau thì không cho rước về nhà chị H nữa;

Anh C cũng thừa nhận có sự việc trên và cho rằng anh C và gia đình không đồng ý cho chị H chở cháu N ra khỏi nhà anh C chỉ cho thăm cháu N tại nhà của anh C, vì anh C cho rằng cháu N không thể thiếu anh C nếu vắng anh C là khóc. Lời trình bày này của anh C là không có căn cứ bởi vì đã xâm phạm đến quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trong thời gian tạm nuôi dưỡng con chung;

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định *"Cháu Trần Nguyên Kim N (nữ), sinh ngày 25/02/2021, tính tới thời điểm xét xử là ngày 13/12/2023 cháu N được gần 34 tháng tuổi. Trong trường hợp cháu N ở tuổi này cho dù là bé trai hay bé gái thì vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Hơn nữa cháu N là nữ sau này khi lớn hơn, đặc biệt đến độ tuổi dậy thì, có nhiều thay đổi về tâm sinh lý, cháu N cũng cần một người phụ nữ trưởng thành đồng hành cùng cháu, hướng dẫn cho cháu những gì cháu cần làm, người mẹ sẽ là người thực hiện điều này tốt nhất. Đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi…";*

Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp;

Tại phiên tòa, anh C không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C cho nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm số 574/2023/HN-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 574/2023/HNGĐ-ST, ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyên Kim N, sinh ngày 25/02/2021 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở anh Trần Văn C thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh C đã nộp đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007097 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm số 574/2023/HN-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu